

Số: /GPMT-CNCCN Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNM ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Một thành viên Onaga Việt Nam tại Văn bản số 250801/CV-ONAGA ngày 01/08/2025, số 2605/CV-ONAGA ngày 21/5/2026 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án: Dự án đầu tư sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao (gọi tắt là Dự án) tại Lô CN05, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội, xã Đại Xuyên, TP. Hà Nội và các tài liệu có liên quan;*

*Theo đề nghị của Phòng Xây dựng và Môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Onaga Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính: Lô CN05, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội, xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: “Dự án đầu tư sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao” tại Nhà xưởng số 2 (CN05B) thuộc Lô CN05, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội – giai đoạn I,

xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của Dự án:**

1.1. Tên Dự án: “Dự án đầu tư sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng số 2 (CN05B) thuộc Lô CN05, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội – giai đoạn I, xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0110085951 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 08/08/2022, cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 24/04/2024; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 6504445773 do Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 14/07/2022, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 11/5/2026.

1.4. Mã số thuế: 0110085951.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan (Chi tiết: Sản xuất các linh kiện cơ khí chế tạo ứng dụng trong lĩnh vực hàng không);

- Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện, toa xe và phương tiện, thiết bị chuyên dùng trên đường ray (Chi tiết: Sản xuất các linh kiện cơ khí chế tạo ứng dụng trong lĩnh vực tàu cao tốc);

- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện thiết bị phân phối và điều khiển điện (Chi tiết: Sản xuất các linh kiện cơ khí chế tạo ứng dụng trong lĩnh vực máy phát điện);

- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Sản xuất các linh kiện cơ khí chế tạo ứng dụng trong lĩnh vực xe ô tô);

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp (Chi tiết: Sản xuất các linh kiện cơ khí chế tạo ứng dụng trong lĩnh vực dụng cụ nông nghiệp);

- Sản xuất máy chuyên dụng khác (Chi tiết: Sản xuất các linh kiện cơ khí chế tạo ứng dụng trong lĩnh vực máy xây dựng, máy sản xuất chất bán dẫn);

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất các linh kiện cơ khí chế tạo ứng dụng trong lĩnh vực robot).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích nhà xưởng: 1.053 m<sup>2</sup>. (Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 15.08/HĐTNX/N&G ngày 15/8/2022 giữa Công ty Cổ phần đầu tư phát triển N&G và Chủ dự án đầu tư)

- Nhóm dự án: Dự án tương đương dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung

bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/01/2026.

- Công suất: 15 tấn sản phẩm/năm.

*(Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 6504445773 do Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 14/07/2022, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 11/5/2026)*

- Quy trình sản xuất của Dự án: Nguyên vật liệu (phôi thép, các linh kiện nhập sẵn) → Gia công CNC → Kiểm tra → Thụ động hóa → Mạ → Sản phẩm → Kiểm tra.

Chi tiết các công đoạn gia công, sản xuất:

+ Gia công CNC: Phôi thép → Cài đặt chương trình → Máy phay, tiện → Kết thúc quy trình.

+ Quy trình thao tác thụ động hóa: Nguyên liệu → Bể rửa dầu bằng dung dịch gốc nước (Ace Clean 801E) → Rửa nước 2 lần → Bể tẩy dầu bằng kiềm (Ace Clean 850E) → Rửa nước 2 lần → Bể xử lý thụ động hóa ( $\text{HNO}_3$  và  $\text{Na}_2\text{CrO}_4$ ) → Rửa nước 2 lần → Kết thúc quy trình.

+ Quy trình mạ crom: Bể rửa dầu bằng dung dịch gốc nước (Ace Clean 801E) → Rửa nước 2 lần → Bể tẩy dầu bằng kiềm (Ace Clean 850E) → Rửa nước 2 lần → Bể rửa điện phân bằng dung dịch kiềm ( $\text{NaOH}$ ) → Rửa nước 2 lần → Điện phân axit crom (dung dịch Crom màu đen có  $\text{H}_2\text{SO}_4$ ) → Mạ crom (dung dịch Crom màu đen có  $\text{H}_2\text{SO}_4$ ) → Rửa nước 2 lần → Loại bỏ lớp mạ (nếu cần) ( $\text{NaOH}$ ) → Rửa nước 2 lần → Kết thúc quá trình.

+ Quy trình mạ cadimi: Bể rửa dầu bằng dung dịch gốc nước (Ace Clean 801E) → Rửa nước 2 lần → Bể tẩy dầu bằng kiềm (Ace Clean 850E) → Rửa nước 2 lần → Bể rửa điện phân axit ( $\text{Cu}$ ) ( $\text{H}_2\text{SO}_4$ ) → Rửa nước 1 lần → Bể rửa điện phân axit ( $\text{Fe}$ ) ( $\text{H}_2\text{SO}_4$ ) → Bể rửa điện phân bằng dung dịch kiềm ( $\text{NaOH}$ ) → Rửa nước 2 lần → Rửa dung dịch Silicat ( $\text{Fe}$ ) (Topsan) → Rửa dung dịch Silicat ( $\text{Cu}$ ) (Topsan) → Rửa nước 2 lần → Rửa axit ( $\text{HCl}$ ) → Rửa nước 2 lần → Mạ Niken mỏng (Strike) (Niken Clorua và  $\text{HCl}$ ) → Rửa nước 2 lần → Ngâm dung dịch Xyanua → Mạ cadimium (Oxit Cadimi và Xyanua) → Rửa nước 2 lần → Trung hòa ( $\text{HNO}_3$ ) → Rửa nước 2 lần → Cromat (Cromat 302) → Rửa nước 2 lần → Loại bỏ lớp mạ (khi cần) (Enstrips và  $\text{NaCN}$ ) → Kết thúc quá trình.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên Onaga Việt Nam:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Onaga Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, các cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND xã Đại Xuyên và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Trưng Việt Dũng (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Trưởng ban
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND xã Đại Xuyên
- Phòng CS&TT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Các phòng: HTĐT, QLDN;
- Công ty TNHH Một thành viên Onaga Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G;
- TTPVHCC (Chi nhánh 1) (để trả kết quả);
- Lưu: VT, XDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Đinh Trần Quân**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2026*  
*của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn thải số 1: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh tại Nhà xưởng số 02

+ Nguồn thải số 2: Nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình sản xuất (gồm: các bước rửa của quy trình thao tác xử lý thụ động hóa (sau các bể rửa dầu, bể tẩy dầu, bể xử lý thụ động hóa); các bước rửa của quy trình mạ Crom (sau các bể rửa dầu, bể tẩy dầu, bể rửa điện phân, bể điện phân axit crom, bể mạ crom, bể loại bỏ lớp mạ) và các bước rửa của quy trình mạ Cadimi (sau các bể rửa dầu, bể tẩy dầu, bể rửa điện phân axit, bể rửa điện phân dung dịch kiềm, bể rửa dung dịch Silicat, bể rửa axit, bể mạ Niken mỏng, bể ngâm dung dịch Xyanua, bể trung hòa, bể Cromat, bể loại bỏ lớp mạ)) tại Nhà xưởng số 02. Chủ dự án bàn giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội – giai đoạn I theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, không xả trực tiếp ra ngoài môi trường).

- Chủ cơ sở đã có thỏa thuận đầu nối nước thải và ký hợp đồng thuê nhà xưởng và Biên bản thỏa thuận về các điểm kết nối hạ tầng kỹ thuật với Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển N&G (là chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội – giai đoạn I và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Hệ thống thu gom nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước mưa.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt cụ thể như sau:

+ Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh tại nhà xưởng số 02 → Đường ống PVC D110, L=2m → Bể tự hoại (01 bể, tổng dung tích V=8 m<sup>3</sup>) → Đường ống PVC D110, L=2m → Hồ ga thu gom nước thải tại nhà xưởng số 02, Lô CN05 → Đường ống PVC D110, L=70m → Hồ ga thu gom nước thải chung Lô CN05 → Đầu nối nước thải vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội.

- Hệ thống thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải sản xuất cụ thể như sau:

+ Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất → Chủ dự án định kỳ bàn giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn:

- Số lượng: 01 bể;

- Thể tích thiết kế:  $V = 8\text{m}^3$ ;

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng 1 → Ngăn lắng 2 → Hồ ga thu gom nước thải tại nhà xưởng số 02, Lô CN05 → Hồ ga đầu nối chung Lô CN05 → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống thu gom thoát nước thải; thường xuyên kiểm tra tình trạng nước thải tại điểm đầu nối, bố trí nhân viên có chuyên môn phụ trách kiểm tra đường ống thoát nước, đảm bảo chất lượng nước thải theo quy chuẩn đầu nối Khu công nghiệp.

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp lưu lượng nước thải tăng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến nứt vỡ đường ống thu gom và thoát nước thải. Khi sự cố xảy ra, không xả nước thải ra môi trường và kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục; trong trường hợp không thể khắc phục sự cố, báo cáo với Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và thuê đơn vị đủ chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

- Lắp đặt song chắn rác tại miệng cống tránh để rác thải rơi vào cống rãnh gây tắc.

- Sử dụng loại ống có đường kính phù hợp, độ bền cao.

- Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại, giúp xúc tác cho quá trình phân hủy các chất hữu cơ nhanh hơn và khử mùi.

- Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn bể tự hoại đem đi xử lý

Toàn bộ nước thải sinh hoạt tại nhà máy sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội, qua 01 điểm đầu nối.

Tọa độ đầu nối nước thải sinh hoạt tại nhà xưởng số 02: X= 2 291 629; Y= 594 916.

(Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^\circ$ , múi chiếu  $3^\circ$ ).

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 1 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội để tiếp tục xử lý.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất vận hành hiệu quả hệ thống xử lý sơ bộ và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

3.4. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-CNCCN ngày..... tháng ..... năm 2026*  
*của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:**

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ bể rửa dầu bằng dung dịch gốc nước của quá trình xử lý thụ động hóa;
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ bể rửa dầu bằng dung dịch kiềm của quá trình xử lý thụ động hóa;
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ bể xử lý thụ động hóa của quá trình xử lý thụ động hóa;
- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh từ bể rửa dầu bằng dung dịch gốc nước của quá trình mạ crom;
- Nguồn số 5: Khí thải phát sinh từ bể rửa dầu bằng dung dịch kiềm của quá trình mạ crom;
- Nguồn số 6: Khí thải phát sinh từ bể rửa điện phân bằng dung dịch kiềm của quá trình mạ crom;
- Nguồn số 7: Khí thải phát sinh từ bể điện phân axit crom của quá trình mạ crom;
- Nguồn số 8: Khí thải phát sinh từ bể mạ crom của quá trình mạ crom;
- Nguồn số 9: Khí thải phát sinh từ bể loại bỏ lớp mạ của quá trình mạ crom;
- Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ bể rửa dầu bằng dung dịch gốc nước của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 11: Khí thải phát sinh từ bể rửa dầu bằng dung dịch kiềm của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 12: Khí thải phát sinh từ bể rửa điện phân axit Cu của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 13: Khí thải phát sinh từ bể rửa điện phân axit Fe của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 14: Khí thải phát sinh từ bể rửa điện phân bằng dung dịch kiềm của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 15: Khí thải phát sinh từ bể rửa dung dịch Silicat (Fe) của quá trình mạ cadimi;

- Nguồn số 16: Khí thải phát sinh từ bể rửa dung dịch Silicat (Cu) của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 17: Khí thải phát sinh từ bể rửa axit HCl của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 18: Khí thải phát sinh từ bể mạ niken mỏng (strike) của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 19: Khí thải phát sinh từ bể rửa điện phân axit Cu của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 20: Khí thải phát sinh từ bể ngâm dung dịch xyanua của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 21: Khí thải phát sinh từ bể mạ cadmium của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 22: Khí thải phát sinh từ bể trung hòa HNO<sub>3</sub> của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 23: Khí thải phát sinh từ bể cromat của quá trình mạ cadimi;
- Nguồn số 24: Khí thải phát sinh từ bể loại bỏ lớp mạ của quá trình mạ cadimi

## **2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

### **2.1. Vị trí xả khí thải**

- Dòng khí thải số 01 (OK1): Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải axit – kiềm số 01 (xử lý khí thải các nguồn từ nguồn số 1 đến nguồn số 6 và nguồn số 9),

Tọa độ xả thải: X= 2 291 820; Y= 595 282.

- Dòng khí thải số 02 (OK2): Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải axit – kiềm số 02 (xử lý các nguồn thải từ nguồn số 10 đến nguồn số 19 và từ nguồn số 22 đến nguồn số 24),

Tọa độ xả thải: X=2 291 821; Y=595 282.

- Dòng khí thải số 03 (OK3): Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải crom số 03 (xử lý khí thải từ nguồn số 7 và 8),

Tọa độ xả thải: X=2 291 822; Y=595 282.

- Dòng khí thải số 04 (OK4): Bụi sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải xyanua số 04 (xử lý khí thải từ nguồn số 20 và 21),

Tọa độ xả thải: X=2 291 823; Y=595 282.

*(Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiếu 3°)*

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Dự án “Đầu tư sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao” tại Nhà xưởng số 2 (CN05B) thuộc Lô CN05, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội – giai đoạn I, xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội.

## 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01 (OK1): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng khí thải số 02 (OK2): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng khí thải số 03 (OK3): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng khí thải số 04 (OK4): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo chế độ làm việc của cơ sở.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
<b>I</b>	<b>Dòng thải số 01, 02, 03, 04</b>				
1	Lưu lượng/dòng thải	m <sup>3</sup> /h	1.200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 80		
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 400		
4	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 400		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01 (Hệ thống xử lý hơi axit – kiềm số 01): Khí thải phát sinh từ nguồn số 1 đến nguồn số 6 và nguồn số 9 → Ống thu gom nhánh D20 (05 ống, L=10 m) và D50 (06 ống, L=12 m) → Ống thu gom chính D200 (01 ống), L=20,6 m → Hệ thống xử lý khí thải số 1 (01 tháp hấp thụ, kích thước L×W×H: 600×600×1.900 mm) → Quạt hút (01 quạt, công suất 1.200 m<sup>3</sup>/giờ) → Ống thoát khí D200, L= 2,2m → Môi trường.

- Hệ thống xử lý khí thải số 02 (Hệ thống xử lý hơi axit – kiềm số 02): Khí thải phát sinh từ nguồn số 10 đến nguồn số 19 và từ nguồn số 22 đến nguồn số 24 → Ống thu gom nhánh D20 (04 ống, L=8 m) → Ống thu gom chính D200 (01 ống), L=8,2 m → Hệ thống xử lý khí thải số 2 (01 tháp hấp thụ, kích thước L×W×H: 600×600×1.900 mm) → Quạt hút (01 quạt, công suất 1.200 m<sup>3</sup>/giờ) → Ống thoát khí D200, L= 2,2m → Môi trường.

- Hệ thống xử lý khí thải số 03 (Hệ thống xử lý hơi crom): Khí thải phát sinh từ nguồn số 7 và nguồn số 8 → Ống thu gom nhánh D50 (05 ống, L=10 m) → Ống thu gom chính D200 (01 ống), L=7,1 m → Hệ thống xử lý khí thải số 3 (01 tháp hấp thụ, kích thước L×W×H: 600×600×1.900 mm) → Quạt hút (01 quạt, công suất 1.200 m<sup>3</sup>/giờ) → Ống thoát khí D200, L= 2,2m → Môi trường.

- Hệ thống xử lý khí thải số 04 (Hệ thống xử lý hơi xyanua): Khí thải phát sinh từ nguồn số 20 và nguồn số 21 → Ống thu gom nhánh D50 (03 ống, L=6 m) và → Ống thu gom chính D200 (01 ống), L=9,2 m → Hệ thống xử lý khí thải số 4 (01 tháp hấp thụ, kích thước L×W×H: 600×600×1.900 mm) → Quạt hút (01 quạt, công suất 1.200 m<sup>3</sup>/giờ) → Ống thoát khí D200, L= 2,2m → Môi trường.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

04 hệ thống xử lý khí thải (gồm: Hệ thống xử lý khí thải hơi axit – kiềm (Hệ thống số 01), Hệ thống xử lý khí thải hơi axit – kiềm (Hệ thống số 02), Hệ thống xử lý khí thải hơi Crom (Hệ thống số 03) và Hệ thống xử lý khí thải hơi Xyanua (Hệ thống số 04)) có quy mô công suất, quy trình công nghệ xử lý giống nhau.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống thu gom nhánh → Ống thu gom chính → Tháp hấp thụ (sử dụng nước, vật liệu đệm lọc (dạng cầu nhựa D50mm)) → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 1.200 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, vật liệu đệm lọc (dạng cầu nhựa, kích thước D50mm)

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, các thiết bị xử lý và theo dõi thường xuyên quá trình vận hành của hệ thống, thiết bị, thay thế định kỳ các vật liệu, hóa chất tiêu hao, vật liệu cần thay thế theo đúng yêu cầu kỹ thuật, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm ra môi trường không khí.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 13 Điều

1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 1 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của Cơ sở.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đảm bảo yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2025  
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Từ các máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất như các máy gia công, bộ lọc nước thải, các bơm, máy nén tại khu vực bên trong nhà xưởng;
- Nguồn số 2: Từ máy phát nén khí công nghiệp.

**2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể như sau:**

**2.1. Tiếng ồn:**

Tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

**2.2. Độ rung:**

Độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (từ 06 giờ đến trước 22 giờ)	Ngày (từ 06 giờ đến trước 22 giờ)		
1	75	70	-	Khu vực D

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao

động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

**1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.
- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2026 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (tấn/năm)
1	Dung dịch Axit thải	07 01 01	291,3
2	Dung dịch Bazo thải	07 01 03	81,5
3	Dung dịch Crom thải	07 02 03	158,2
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (Bóng đèn LED thải)	16 01 13	20
<b>Tổng</b>			<b>551</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Phoi kim loại không có thành phần nguy hại	0,075
2	Vỏ bao bì nguyên liệu và bao bì sản phẩm	0,35
3	Nguyên liệu và sản phẩm lỗi có khả năng tái chế	0,015
<b>Tổng</b>		<b>0,44</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 15,6 tấn/năm

Khối lượng bùn thải sinh hoạt phát sinh: 1,65 tấn/năm

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn thải hoặc dung dịch ngâm chiết/tách rửa có thành phần nguy hại từ hệ thống màng hoặc hệ thống trao đổi ion	07 01 08	112,5
2	Dung dịch xử lý bề mặt thải	07 01 10	296,5
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	120

4	Hộp mực thải	08 02 04	1,5
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	7,5
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	7,5
<b>Tổng</b>			<b>545,5</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:**

Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát. Thực hiện thu gom, phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý như đối với chất thải nguy hại.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa riêng biệt bằng nhựa composite dung tích 50-120 lít/thùng, dán nhãn mã CTNH theo quy định

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa: 01 kho chứa bố trí bên trong xưởng sản xuất.

- Diện tích kho lưu chứa: diện tích 5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu tường bao quanh, có cửa khóa, có mái che kín, có gắn biển cảnh báo kho chứa chất thải nguy hại, sàn bê tông chống thấm, có rãnh thu gom và hồ thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Tần suất thu gom: 06 tháng/lần hoặc tùy thuộc khối lượng CTNH phát sinh có thể báo trước 01 ngày để đơn vị thu gom có phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.

**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa riêng biệt bằng nhựa composite dung tích 20-120 lít/thùng, dán nhãn mã chất thải theo quy định.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Khu lưu giữ: 01 khu vực lưu chứa bố trí bên trong xưởng sản xuất.

- Diện tích khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: diện tích 9 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kết cấu tường bao quanh, có cửa khóa, có mái che kín, có gắn biển kho, sàn bê tông chống thấm, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Tần suất thu gom: Đơn vị thu gom sẽ tiến hành thu gom toàn bộ chất thải trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày Nhà máy yêu cầu đến thu gom

### **2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng tại các khu vực hành lang và các phòng chức năng. Tại kho lưu chứa, bố trí 3 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực lưu giữ: bố trí bên trong khu vực xưởng sản xuất.
- Diện tích khu lưu giữ: 01 khu vực diện tích 2 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của các khu vực lưu giữ: Kết cấu tường bao quanh, có cửa khóa, có mái che kín, có gắn biển kho, sàn bê tông chống thấm, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Biện pháp quản lý:

- + Rác thải sinh hoạt: Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển hàng ngày.
- + Bùn thải từ bể tự hoại: Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định, tần suất thu gom vận chuyển 1-2 lần/năm.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, khí thải; thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống xử lý nước thải, khí thải; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

4. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16/06/2025) để có biện pháp quản lý phù hợp. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

5. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi

trường và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (Được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026).

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2026 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN hỗ trợ Nam Hà Nội theo quy định của pháp luật.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo các quy định hiện hành./.